

Số: 103/NQ-HĐND

Khánh Hòa, ngày 19 tháng 10 năm 2021

NGHỊ QUYẾT

Sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 72/NQ-HĐND, ngày 28/7/2021 về sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 54/NQ-HĐND, ngày 29/6/2021 về sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 36/NQ-HĐND, ngày 14/4/2021 về sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 01/NQ-HĐND, ngày 15/01/2021 về sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 76/NQ-HĐND, ngày 07/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về kế hoạch đầu tư công năm 2021

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA
KHÓA VII, KỲ HỌP THỨ 3**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương, ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương, ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đầu tư công, ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP, ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Xét Tờ trình số 9422/TTr-UBND, ngày 24 tháng 9 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 121/BC-HĐND, ngày 11 tháng 10 năm 2021 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 72/NQ-HĐND, ngày 28/7/2021 về sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 54/NQ-HĐND, ngày 29/6/2021 về sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 36/NQ-HĐND, ngày 14/4/2021 về sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 01/NQ-HĐND, ngày 15/01/2021 về sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 76/NQ-HĐND, ngày 07/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về kế hoạch đầu tư công năm 2021 như sau:

1. Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công của các dự án theo Nghị quyết số 76/NQ-HĐND, ngày 07/12/2020; Nghị quyết số 01/NQ-HĐND, ngày 15/01/2021; Nghị quyết số 36/NQ-HĐND, ngày 14/4/2021; Nghị quyết số 54/NQ-HĐND, ngày 29/6/2021 và Nghị quyết số 72/NQ-HĐND, ngày 28/7/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về kế hoạch đầu tư công năm 2021 (theo Phụ lục 1 và 2 đính kèm).

2. Giữ nguyên các nội dung khác của Nghị quyết số 76/NQ-HĐND, ngày 07/12/2020; Nghị quyết số 01/NQ-HĐND, ngày 15/01/2021; Nghị quyết số 36/NQ-HĐND, ngày 14/4/2021; Nghị quyết số 54/NQ-HĐND, ngày 29/6/2021 và Nghị quyết số 72/NQ-HĐND, ngày 28/7/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.
2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa khóa VII, nhiệm kỳ 2021 - 2026, Kỳ họp thứ 3 thông qua ngày 19 tháng 10 năm 2021./

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- VP Tỉnh ủy và các Ban Đảng;
- VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- VP UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể;
- HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Lưu: VT, ĐN.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Khắc Toàn

PHỤ LỤC 1

KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2021 NGUỒN VỐN CÁN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG

được kèm theo Nghị quyết số 103/NQ-HĐND ngày 19/10/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án, ngành, lĩnh vực	Chủ đầu tư	Thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công năm 2021				Điều chỉnh (tăng, giảm) kế hoạch vốn năm 2021				Kế hoạch vốn năm 2021 sau khi điều chỉnh									
					Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	TMĐT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn XDCB tập trung	Vốn thu tiền SDD trong cân đối	Vốn XSKT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn XDCB tập trung	Vốn thu tiền SDD trong cân đối	Vốn XSKT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn XDCB tập trung	Vốn thu tiền SDD trong cân đối	Vốn XSKT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn XDCB tập trung	Vốn thu tiền SDD trong cân đối	Vốn XSKT		
																								Vốn NS tỉnh	Vốn NSTW, ODA
	TỔNG SỐ								1.977.254	1.267.061	650.000	60.193	0	0	0	1.977.254	1.267.061	650.000	60.193	0	0	1.977.254	1.267.061	650.000	60.193
A	NGÂN SÁCH CẤP TỈNH QUẢN LÝ								835.254	775.061	0	60.193	0	0	0	835.254	775.061	0	60.193	0	0	835.254	775.061	0	60.193
I	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp								8.938	8.438	0	500	-4.055	0	-500	4.883	4.883	0	0	0	0	4.883	4.883	0	0
a	Cấp tỉnh quản lý								8.500	8.000	0	500	-4.000	0	-500	4.500	4.500	0	0	0	0	4.500	4.500	0	0
1	Trường THPT Nam Cam Ranh	Sở GDĐT	2019-2022	340/QĐ-UBND ngày 30/10/2016	26.993	26.993			500			500	-500		-500	0	0					0	0		0
2	CSHT khu trường học, đào tạo và dạy nghề Bắc Hòa Ông	BQL DABT XD các CT GT	2006-2022	131/QĐ-UBND ngày 15/01/2007; 2676/QĐ-UBND ngày 08/08/2007; 1409/2020; 770/QĐ-UBND ngày 08/08/2021	562.820	562.820			7.000	7.000			-2.500		-2.500	4.500	4.500					4.500	4.500		
3	BTHAT để giải phóng mặt bằng thực hiện dự án Trường CD Sư phạm Nha Trang	BQL DABT XD các CT DD và CN	2012-2022	126/QĐ-UBND ngày 12/10/2015	74.935	74.935			1.000	1.000			-1.000		-1.000	0	0					0	0		0
b	Hỗ trợ cấp huyện								438	438	0	0	-55		-55	0	0					383	383	0	0
1	Trường THCS Diên Đồng	Phòng GDĐT Diên Khánh	2019-2021	126/QĐ-UBND ngày 12/10/2015	20.499	14.346			438	438			-55		-55	383	383					383	383		
II	Khoa học, công nghệ								4.500	4.500	0	0	-4.500		-4.500	0	0					0	0		0
1	Trung tâm ứng dụng tiến bộ KHCN Khánh Hòa	Sở KHCN	2016-2022	21/NQ-HĐND ngày 26/10/2015	109.066	109.066			2.500	2.500			-2.500		-2.500	0	0					0	0		0
2	Trạm kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng	Sở KHCN	2019-2022	21/NQ-HĐND ngày 26/10/2015	77.418	77.418			2.000	2.000			-2.000		-2.000	0	0					0	0		0
III	Y tế, dân số và gia đình								187.600	187.600	0	0	-70.270		-70.270	0	0					117.330	117.330	0	0

Handwritten signature and initials

STT	Danh mục dự án, ngành, lĩnh vực	Chủ đầu tư	Dự kiến thời gian KC-HIT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMBT			Quyết định đầu tư công năm 2021			Kế hoạch vốn năm 2021			Kế hoạch vốn năm 2021 sau khi điều chỉnh					
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn NS tỉnh	Vốn NSTW, ODA	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn XDCB tập trung	Vốn thu tiền SDB trong cân đối	Vốn XSKT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn XDCB tập trung	Vốn thu tiền SDB trong cân đối	Vốn XSKT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn XDCB tập trung	Vốn thu tiền SDB trong cân đối	Vốn XSKT
1	Bệnh viện Ung bướu	Sở Y tế	2016-2022	370/QĐ-HĐND ngày 06/12/2015	3131/QĐ-UBND ngày 11/12/2020	560.862	224.862	336.000	180.000	180.000				110.000	110.000					
2	Sửa chữa các cơ sở y tế năm 2021	Sở Y tế	2021	88/NO-HĐND ngày 08/12/2020	1515/QĐ-UBND ngày 06/6/2021	8.000	8.000		7.600	7.600				7.330	7.330					
IV	Bảo vệ môi trường (trong đó có bảo vệ tài nguyên, khắc phục ô nhiễm môi trường, xử lý chất thải, tăng trưởng xanh, ứng phó với biến đổi khí hậu và phát triển bền vững)																			
1	Môi trường bền vững các thành phố Duyên Hải - Tiền dự án thành phố Nha Trang	BQLDA Phát triển tỉnh	2018-2022	580/QĐ-TTg ngày 06/4/2016	3348A/QĐ-UBND ngày 31/10/2016; 2635/QĐ-T.UBND ngày 27/10/2020	1.607.510	254.611	1.352.899	21.000	21.000				11.700	11.700					
V	Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi và thủy sản																			
a	Cấp tỉnh quản lý																			
1	Hồ chứa nước Đắc Lộc	Sở NN&PTNT	2014-2021		2733/QĐ-UBND ngày 31/10/2012; 2423/QĐ-UBND ngày 16/6/2017; 186/QĐ-UBND ngày 21/01/2020; 673/QĐ-UBND ngày 18/2/2021	207.363	155.363	52.000	72.700	62.200				47.700	37.200		10.500			
2	Đầu tư cơ sở hạ tầng chống ngập lụt, xói lở Khu dân cư Mỹ Thạnh, xã Cam Thịnh Đông, thành phố Cam Ranh, kế bờ hồ sông Cái và bờ sông Cái qua xã Vĩnh Phương, thành phố Nha Trang	BQLDA ĐT XDCT NN&PTNT	2020-2023	11/NO-HĐND ngày 15/5/2020	1836/QĐ-UBND ngày 27/7/2020	299.662	99.662	200.000	25.500	5.500				21.000	1.000		20.000			
3	Tiên thoát lũ các xã Diên Sơn - Diên Điền - Diên Phú	BQLDA ĐT XDCT NN&PTNT	2020-2022	10/NO-HĐND ngày 15/5/2020	2637/QĐ-UBND ngày 30/9/2020	90.613	10.613	80.000	1.000					0	0		0			
b	Hỗ trợ cấp huyện								38.606	36.730				-23.266	-23.257		13.473			
b1	Hỗ trợ xây dựng nông thôn mới		2021						5.876	4.000				-524	-515		3.485			
(1)	Huyện Vạn Ninh								870	870				-500	-500		370			

STT	Danh mục dự án, ngành, lĩnh vực	Chủ đầu tư	Dự kiến thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Quyết định đầu tư				Kế hoạch đầu tư công năm 2021				Điều chỉnh (tăng, giảm) kế hoạch vốn năm 2021				Kế hoạch vốn năm 2021 sau khi điều chỉnh			
					Số quyết định, ngày, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn XDCB tập trung	Vốn SDD trong cân đối	Vốn XSKT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn XDCB tập trung	Vốn SDD trong cân đối	Vốn XSKT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn XDCB tập trung	Vốn SDD trong cân đối	Vốn XSKT	
						Vốn NS	Vốn NSTW, ODA													Vốn NS
1	Nâng nền sân thể thao, xây đường rào	UBND xã Yên Khánh	2021	62/ND-UBND ngày 18/02/2021	2.897	870	870	870	870				-500	370	370					
(2)	Huyện Diên Khánh																			
1	Đường từ đất ông Đức - cây Hương Bông	UBND xã Diên Xuân	2021	36/ND-UBND ngày 24/8/2020	1.065	1.000	1.000	1.000	1.000				-8	992	992					
2	Đường liên xã Bình Lộc - Suối Tiên DH 15 (đoạn Nguyễn Ngọc Sơn - cầu Suối Cây Sung)	UBND xã Bình Lộc	2021	18/ND-UBND ngày 20/12/2020	1.070	1.000	1.000	1.000	1.000				-4	996	996					
(3)	Huyện Cam Lâm																			
1	Kê thôn Triệu Hải	Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện Cam Lâm	2021	30/ND-UBND ngày 12/9/2021	1.131	1.130	1.130	1.130	1.130				-3	1.127	1.127					
2	Đường từ nhà ông Nguyễn Minh Phúc đến nhà ông Trần Văn Cung	Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện Cam Lâm	2021	9/20/ND-UBND ngày 11/6/2021	936	936	936	936	936				-4	932	932		932			
3	Đường từ WBZ đến đất 5% của xã	Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện Cam Lâm	2021	9/10/ND-UBND ngày 11/6/2021	940	940	940	940	940				-5	935	935		935			
b2	Hỗ trợ đầu tư phát triển vùng đồng bào DTTS và MN																			
(1)	Huyện Khánh Sơn																			
1	Nâng cấp đường BTXM thôn APA 2 từ ngã ba Cao Lả Nghiệm đi khu sản xuất	Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện Khánh Sơn	2021	96/ND-UBND ngày 11/6/2021	999	999	999	999	999				-4	995	995					
2	Đường BTXM vào khu sản xuất cụm 1 thôn Hòn Dung	Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện Khánh Sơn	2021	96/ND-UBND ngày 11/6/2021	999	999	999	999	999				-4	995	995					
3	Nối tiếp đường BTXM từ nhà ông Bo Bo Biện đi cầu Ông Bà đến rẫy Ông Cao Gấm	Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện Khánh Sơn	2021	96/ND-UBND ngày 11/6/2021	999	999	999	999	999				-5	994	994					
4	Nối tiếp đường BTXM vào khu sản xuất (Đoạn từ rẫy Ông Bà đến rẫy Ông Cao Văn Hạnh)	Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện Khánh Sơn	2021	96/ND-UBND ngày 11/6/2021	999	999	999	999	999				-6	993	993					
5	Hệ thống chiếu sáng xã Ba Cụt Nam	Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện Khánh Sơn	2021	96/ND-UBND ngày 11/6/2021	997	997	997	997	997				-3	994	994					
6	Hệ thống chiếu sáng trung tâm xã Ba Cụt Bắc	Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện Khánh Sơn	2021	96/ND-UBND ngày 11/6/2021	998	998	998	998	998				-3	995	995					

Handwritten signature and initials.

STT	Danh mục dự án, ngành, lĩnh vực	Chủ đầu tư	Dự kiến thời gian KC-KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMBT			Kế hoạch đầu tư công năm 2021			Kế hoạch vốn năm 2021			Chi chi					
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:							
							Vốn NS tỉnh	Vốn NSTW, ODA		Vốn XDCB tập trung	Vốn thu tiền SDB trong cân đối		Vốn XDCB tập trung	Vốn thu tiền SDB trong cân đối		Vốn XDCB tập trung	Vốn thu tiền SDB trong cân đối			
7	Hệ thống chiếu sáng xã Sơn Trung	Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện Khánh Sơn	2021	968/QĐ-UBND ngày 11/6/2021	968/QĐ-UBND ngày 17/6/2021	998	998	998	998	998	998	995	995	995						
8	Hệ thống chiếu sáng xã Sơn Hiệp	Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện Khánh Sơn	2021	969/QĐ-UBND ngày 11/6/2021	997/QĐ-UBND ngày 17/6/2021	997	997	997	997	997	997	994	994	994						
b3	Hỗ trợ các công trình cấp thiết khác																			
(1)	Thị xã Ninh Hòa																			
1	Kè, đập ngăn mặn sông Đá Bàn	UBND NH	2020-2022	14/NQ-HĐND ngày 15/5/2020	269/QĐ-UBND 30/9/2020	120.000	60.000	40.000	15.000	15.000	15.000	15.000	400	400						
(2)	Huyện Vạn Ninh																			
1	Bến cá Quảng Hội	UBND VN	2019-2021	3245/QĐ-UBND ngày 30/10/2017	2689/QĐ-UBND ngày 7/9/2018	35.652	35.652		9.744	9.744	9.744	9.744	1.633	1.633	0					
2	Kè, đường từ đường Sắt đến cầu huyện	UBND VN	2019-2021	1046/QĐ-UBND 30/10/2015	2699/QĐ-UBND ngày 24/12/2020	19.987	12.000		5.744	5.744	5.744	5.744	500	500						
VI	Giao thông																			
a	Cấp tỉnh quản lý																			
1	Đường Tỉnh lộ 2 (ĐT.635), đoạn từ Cầu Hà Dừa đến Cầu Đồi	Sở GTVT	2019-2022	08/HĐND 9/01/2017	3362/QĐ-UBND 29/10/2018, 3180/QĐ-UBND ngày 26/11/2020	355.116	355.116		393.545	387.228	0	6.317	-215.632	-237.141	0	21.509	177.913	150.087	0	27.826
2	Sửa chữa giao thông (đường tỉnh quản lý)								338.675	335.261	0	3.414	-181.331	-202.849	0	21.518	157.344	132.412	0	24.932
-	Sửa chữa đường ĐT.651D (Tỉnh lộ 7)	Sở GTVT	2021	108/NQ-HĐND ngày 08/12/2020	127/QĐ-UBND ngày 13/01/2021	8.662	8.662		4.700	4.700	4.700	4.700	-2.000	-2.000	0	2.700	2.700	2.700	0	0
-	Xây dựng cầu Đò trên đường ĐT.652H (Tỉnh lộ 8)	Sở GTVT	2022	100/NQ-HĐND ngày 08/12/2020	134/QĐ-UBND ngày 13/01/2021	14.866	14.866		6.975	6.975	6.975	6.975	-6.000	-6.000	0	975	975	975	0	0
3	Hệ thống điện chiếu sáng công cộng trên tuyến đường mở rộng Quốc lộ 1, đoạn qua huyện Diên Khánh (phần 01 bên đường còn lại đối với các đoạn qua đô thị, qua khu dân cư đồng đặc)	UBND DK	2020-2021	883/QĐ-UBND ngày 8/10/2015	3099/QĐ-UBND ngày 25/9/2016, 2610/QĐ-CT-UBND ngày 28/9/2020	13.494	13.494		2.000	2.000	2.000	2.000	-331	-331	0	1.669	1.669	1.669	0	0

Carly

STT	Danh mục dự án, ngành, lĩnh vực	Chủ đầu tư	Dự kiến thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Số quyết định; ngày; tháng; năm ban hành	TMBT			Trong đó:			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			Chi chú			
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn NS tỉnh	Vốn NSTW, ODA	Vốn XDCB tập trung	Vốn thu tiền SDD trong cân đối	Vốn XSKT		Vốn XDCB tập trung	Vốn thu tiền SDD trong cân đối	Vốn XSKT		Vốn XDCB tập trung	Vốn thu tiền SDD trong cân đối	Vốn XSKT				
																					Vốn XDCB tập trung	Vốn thu tiền SDD trong cân đối	Vốn XSKT
1	Các trục đường giao thông chính khu đô thị mới thị trấn Khánh Vĩnh (giai đoạn 1)	Phòng KT&HT Khánh Vĩnh	2018-2021	92/QĐ-UBND ngày 25/3/2018	82.013	15.966	60.000	8.966				8.966				0							
(5)	Huyện Cam Lâm							10.591	7.688		2.903					0					7.615	0	2.894
1	Mở rộng thoát nước đoạn từ Khu tái định cư đến giáp đường bê tông, TDP Tân Hòa 1, thị trấn Cam Đức	Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện Cam Lâm	2021	989/QĐ-UBND ngày 11/6/2021	933	933		933															930
2	Đường liên xã Cam Đức - Cam Hải Tây (đối diện Trường PTH Trần Bình Trọng)	Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện Cam Lâm	2021	989/QĐ-UBND ngày 11/6/2021	971	971		971															967
3	Đường từ đường hẻm Ngõ 1 đến đường Lê Lai	Phòng KT&HT huyện Cam Lâm	2021	1184/QĐ-UBND ngày 22/7/2021	1.000	996		996															986
4	Đường từ đường Trường Vĩnh Ký đến đường Trần Trí Xương, TDP Tân Hòa 2 và Yên Hòa 2.	Phòng KT&HT huyện Cam Lâm	2021	1186/QĐ-UBND ngày 22/7/2021	1.000	1.000		1.000															996
5	Đường liên thôn Vầu Từ Đông Tây (ông Triệu)	Phòng KT&HT huyện Cam Lâm	2021	1189/QĐ-UBND ngày 22/7/2021	995	995		995															979
6	Đường từ đất ông Hùng đến đất ông Hạng	Phòng KT&HT huyện Cam Lâm	2021	1189/QĐ-UBND ngày 22/7/2021	999	999		999															989
7	Đường từ đất ông Nguyễn Tấn Nguyễn đến giáp đường bê tông số 1	UBND xã Cam Thành Bắc	2021	317/QĐ-UBND ngày 15/7/2021	1.000	1.000		1.000															990
8	Đường từ nhà Đinh Thị Tiệm đến đất bà Bạch Thị Với	UBND xã Cam Thành Bắc	2021	374/QĐ-UBND ngày 15/7/2021	900	900		900															891
9	Nâng cấp đường Đại liệt số	UBND xã Cam Thành Bắc	2021	315/QĐ-UBND ngày 15/7/2021	800	800		800															790
10	Đường nhà bà Tiên thôn Vĩnh Thiát	Phòng KT&HT huyện Cam Lâm	2021	1190/QĐ-UBND ngày 22/7/2021	998	998		998															994

Chữ ký

STT	Danh mục dự án, ngành, lĩnh vực	Chủ đầu tư	Dự kiến thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Quyết định đầu tư				Kế hoạch đầu tư công năm 2021				Kế hoạch vốn năm 2021 sau khi điều chỉnh				
						TMBT		Trong đó:		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn XDCB tập trung	Vốn thu tiền SDD trong cân đối	Vốn XSKT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn XDCB tập trung	Vốn thu tiền SDD trong cân đối	Vốn XSKT	
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn NS tỉnh	Vốn NSTW, ODA	Vốn thu tiền SDD trong cân đối									Vốn XDCB tập trung
1	Trung tâm chi huy Cảnh sát PCCC tỉnh Khánh Hòa	CA. Khánh Hòa	2017-2022	240/QĐ-BCA-343/21/02/2016	285/QĐ-TH-H46 ngày 14/02/2016; 119/QĐ-TH-H45 ngày 21/02/2016; 146/QĐ-TH-H46 ngày 21/02/2017	143.417	50.211	93.206	10.000	10.000	-9.000	1.000	1.000	1.000	0	0	0	0
2	Đường cơ động và bến cập đầu xã đảo Ninh Vân	BCHQS Ninh Vân	2020-2023	34/NQ-HBND ngày 19/5/2020	2947/QĐ-UBND ngày 29/10/2020	126.659	76.659	50.000	15.000	15.000	-15.000	0	0	0	0	0	0	0
XI	Lập quy hoạch tỉnh, các chính đầu tư công khác theo quy định	Sở KHĐT		108/QĐ-TTg ngày 07/8/2020		59.653	59.653	1.000	1.000	1.000	-490	510	510	510	0	0	0	0
2	Trả nợ quyết toán					4.000	4.000	4.000	4.000	4.000	140	140	140	140	0	0	0	0
XII	Các dự án khu tái định cư sử dụng nguồn dự phòng do không có nguồn Quỹ Phát triển đất năm 2021 để bố trí					16.000	0	0	16.000	16.000	-14.000	0	0	0	0	0	0	0
1	Cơ sở hạ tầng khu tái định cư Ngọc Hiệp	BQL PT	2017-2021	03/NQ-HBND 3/12/2016	2273/QĐ-UBND 5/8/2016; 3467/QĐ-UBND 13/11/2018; 1480/QĐ-UBND ngày 24/6/2020	161.748	161.748	11.000	11.000	11.000	-10.000	1.000	1.000	1.000	0	0	0	0
2	Khu tái định cư tại xã Vĩnh Thái, thành phố Nha Trang	BQL DAPT XD các CT NN&PTNT	2018-2021	338/NQ-HBND 27/10/2017	3241/QĐ-UBND 30/10/2017; 1480/QĐ-UBND ngày 24/6/2020	90.343	90.343	5.000	5.000	5.000	-4.000	1.000	1.000	1.000	0	0	0	0
XIII	Chưa phân bổ					20.000	20.000	20.000	20.000	20.000	426.584	426.584	426.584	426.584	0	0	0	0
B	NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN QUẢN LÝ (đầu tư theo các ngành, lĩnh vực, chương trình)					1.142.000	650.000	492.000	492.000	492.000	0	0	0	0	0	0	0	0
I	Nguồn XDCB tập trung					492.000	492.000	492.000	492.000	492.000	0	0	0	0	0	0	0	0
1	Thành phố Nha Trang					102.381	102.381	102.381	102.381	102.381	-89.000	13.381	13.381	13.381	0	0	0	0
2	Thành phố Cam Ranh					52.387	52.387	52.387	52.387	52.387	-16.843	35.544	35.544	35.544	0	0	0	0
3	Huyện Cam Lâm					48.984	48.984	48.984	48.984	48.984	-15.741	33.243	33.243	33.243	0	0	0	0
4	Huyện Diên Khánh					64.651	64.651	64.651	64.651	64.651	-20.621	44.030	44.030	44.030	0	0	0	0
5	Thị xã Ninh Hòa					71.894	71.894	71.894	71.894	71.894	-22.982	48.912	48.912	48.912	0	0	0	0

STT	Danh mục dự án, ngành, lĩnh vực	Chủ đầu tư	Dự kiến thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Quyết định đầu tư				Kế hoạch đầu tư công năm 2021				Điều chỉnh (tăng, giảm) kế hoạch vốn năm 2021				Kế hoạch vốn năm 2021 sau khi điều chỉnh				Ghi chú			
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	TMBT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:						
							Vốn NS tỉnh	Vốn NSTW, ODA			Vốn XDCB tập trung	Vốn SDD trong cân đối			Vốn XDCB tập trung	Vốn SDD trong cân đối			Vốn XDCB tập trung	Vốn SDD trong cân đối	Vốn XDCB tập trung		Vốn SDD trong cân đối		
6	Huyện Vạn Ninh						55.213	55.213										37.583	37.583						
7	Huyện Khánh Vĩnh						55.504	55.504											37.717	37.717					
8	Huyện Khánh Sơn						40.986	40.986											27.921	27.921					
9	Chưa phân bổ						650.000												213.669	213.669					
II	Nguồn QOSD Đất						650.000												0	0					650.000
1	Thành phố Nha Trang						305.000												-50.327	-50.327					254.673
2	Thành phố Cam Ranh						50.000												0	0					50.000
3	Huyện Cam Lâm						100.000												0	0					100.000
4	Huyện Diên Khánh						106.000												-68.400	-68.400					37.600
5	Thị xã Ninh Hoà						35.000												0	0					35.000
6	Huyện Vạn Ninh						45.000												0	0					45.000
7	Huyện Khánh Vĩnh						6.600												0	0					6.600
8	Huyện Khánh Sơn						2.400												0	0					2.400
9	Chưa phân bổ																		118.727	118.727					118.727

Handwritten signature and initials.

STT	Đanh mục dự án, ngành, lĩnh vực	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Dự kiến thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn)	Nguồn vốn năm 2020 kéo dài sang năm 2021	Trong đó:		Tổng số (tất cả các nguồn)	Nguồn vốn năm 2020 kéo dài sang năm 2021	Trong đó:		Nguồn tiết kiệm chi năm 2020	Nguồn tiết kiệm chi năm 2020	Nguồn tiết kiệm chi năm 2020	Nguồn tiết kiệm chi năm 2020					
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn NS tỉnh			Vốn NSTW, ODA	Trong đó:			Vốn XDCB tập trung	Vốn XDCB XSKT					Trong đó:		Vốn XDCB tập trung	Vốn XDCB XSKT	
												Vốn XDCB tập trung									Vốn XDCB XSKT	Vốn XDCB tập trung			Vốn XDCB XSKT
a	Hỗ trợ xây dựng nông thôn mới (bao gồm hỗ trợ thôn mới)																								
(1)	Huyện Diên Khánh																								
1	Xả chống xói lở suối Cây Sung nhà ông Phan Văn Nam - nhà ông Cao Văn Hải	UBND xã Diên Tân	xã Diên Tân	2021	118/QĐ-UBND ngày 11/11/2020	16/QĐ-UBND ngày 15/02/2021	1.000	930	930	0	0	0	-117	7.030	0	0	0	-117	6.913	0					
2	Kênh tưới Lỗ Sen	UBND xã Bình Lộc	xã Bình Lộc	2021	181/NG-UBND ngày 30/12/2020	01/QĐ-UBND ngày 09/02/2021	1.066	1.000	1.000	0	0	0	-26	1.000	0	0	0	-26	974	0					
3	Kênh tưới Cù Lao-Vôi Lợi	UBND xã Bình Lộc	xã Bình Lộc	2021	183/NG-UBND ngày 30/12/2020	01/QĐ-UBND ngày 09/02/2021	1.066	1.000	1.000	0	0	0	-24	1.000	0	0	0	-24	976	0					
4	Đường nhà ông Hiền đi Khánh Bình	UBND xã Diên Tân	xã Diên Tân	2021	113/NG-UBND ngày 30/12/2020	14/QĐ-UBND ngày 11/02/2021	1.050	1.000	1.000	0	0	0	-20	1.000	0	0	0	-20	980	0					
5	Đường dốc đá Cẩm Sơn	UBND xã Diên Tân	xã Diên Tân	2021	46/NG-UBND ngày 09/03/2021	42/QĐ-UBND ngày 11/02/2021	1.055	1.000	1.000	0	0	0	-15	1.000	0	0	0	-15	985	0					
(2)	Huyện Cam Lâm																								
1	Đường từ WB2 đến nhà ông Thái	Phòng Kinh tế & Hạ tầng huyện Cam Lâm	Xã Cam Thành Bắc	2021	37/QP-UBND ngày 12/01/2021	31/QP-UBND ngày 15/02/2021	1.100	1.100	1.100	0	0	0	-14	1.100	0	0	0	-14	1.086	0					
2	Đường từ nhà bà Phụng đến giáp dân Thủy Triều	Phòng Kinh tế & Hạ tầng huyện Cam Lâm	Xã Cam Thành Bắc	2021	288/QĐ-UBND ngày 12/01/2021	314/QĐ-UBND ngày 15/02/2021	1.000	1.000	1.000	0	0	0	-13	1.000	0	0	0	-13	987	0					
b	Hỗ trợ đầu tư phát triển vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi																								
(1)	Huyện Cam Lâm																								
1	Đường giao thông nội đồng Ông Lăng (đoạn từ sân bóng đến nghĩa trang)	Phòng Kinh tế & Hạ tầng huyện Cam Lâm	xã Cam Phước Tây	2021	285/QĐ-UBND ngày 12/01/2021	314/QĐ-UBND ngày 15/02/2021	1.000	1.000	1.000	0	0	0	-16	1.000	0	0	0	-16	984	0					
2	Đường trục chính giao thông nội đồng A Si	Phòng Kinh tế & Hạ tầng huyện Cam Lâm	xã Cam Phước Tây	2021	300/QĐ-UBND ngày 12/01/2021	314/QĐ-UBND ngày 15/02/2021	1.000	1.000	1.000	0	0	0	-16	1.000	0	0	0	-16	984	0					
c	KHÁC PHỤC LƯU LỤT																								
(1)	Công ty TNHH MTV KTCI Thủy lợi Khánh Hòa																								

Car

